

Số: /KH-UBND

Sơn Mai, ngày tháng 3 năm 2026

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số xã Sơn Mai giai đoạn 2026 - 2030

Thực hiện Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 04/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030; Ủy ban nhân dân xã Sơn Mai ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, như sau:

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Chuyển đổi số ngày 11/12/2025;
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;
- Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 2692/QĐ-TTg ngày 11/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Ứng dụng Internet vạn vật (IoT) trong lĩnh vực giao thông thông minh”;
- Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;
- Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Kế hoạch số 05-KH/TU ngày 20/7/2025 của Tỉnh ủy Triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

- Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh về Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 04/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030.

- Kế hoạch số 26-KH/ĐU ngày 24/12/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Sơn Mai về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 30/9/2025 của UBND xã Sơn Mai về triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết 71-NQ/CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị trên địa bàn xã Sơn Mai.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng và phát triển chính quyền số hoạt động dựa trên dữ liệu và công nghệ số; thúc đẩy kinh tế số trở thành động lực tăng trưởng quan trọng; phát triển xã hội số bao trùm, an toàn, thu hẹp khoảng cách số, phù hợp với điều kiện miền núi của xã. Thực hiện chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện trên phạm vi toàn xã, ưu tiên các lĩnh vực đột phá, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, đáp ứng tốt nhu cầu của người dân và doanh nghiệp.

Xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là khâu đột phá, động lực chủ yếu trong đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước; sẵn sàng thử nghiệm các công nghệ, mô hình mới; hình thành môi trường số an toàn, thuận lợi, góp phần xây dựng xã Sơn Mai phát triển nhanh và bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1 Phát triển Chính quyền, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

a) Cung cấp dịch vụ số bao trùm, thông minh

*** Giai đoạn 2026-2027**

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được thực hiện trực tuyến toàn trình.
- 100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.
- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng phục vụ.
- 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.
- Triển khai hệ thống đặt lịch hẹn giải quyết TTHC trực tuyến qua ứng dụng di động (App), Web và Ki-ốt cấp số tự động tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của xã.

*** Giai đoạn 2028-2030**

- 99% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.
- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng phục vụ.
- 50% dịch vụ công trực tuyến thiết yếu được triển khai ở mức chủ động, được AI hỗ trợ “cá thể hóa”, thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mốc sự kiện quan trọng.
- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.
- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa được tái sử dụng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

b) Cơ quan nhà nước quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu

*** Giai đoạn 2026-2027**

- 100% các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực phục vụ Chính phủ số, Chính quyền số do Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương, tỉnh triển khai đến cấp xã được triển khai theo đúng kế hoạch.
- 100% hồ sơ công việc cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc.
- 100% chế độ báo cáo của xã được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo.

- 100% nhiệm vụ Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho xã được theo dõi, giám sát, đánh giá trên môi trường điện tử.
- 100% cán bộ, công chức, viên chức của xã được đào tạo kỹ năng số cơ bản.
- 50% cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số trên địa bàn xã được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.

*** Giai đoạn 2028-2030**

- 100% cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn xã thường xuyên sử dụng trợ lý ảo hoặc công cụ số thông minh để hỗ trợ thực thi công vụ nhằm nâng cao hiệu suất làm việc.
- 100% cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND xã sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính.
- 100% nhiệm vụ của các cơ quan hành chính trực thuộc UBND xã thực hiện được theo dõi, quản lý, giám sát trên môi trường số.
- 100% các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường số.
- 100% cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, dữ liệu thuộc UBND xã được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.
- Hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính quyền số của xã phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá an ninh mạng định kỳ.

2.2 Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng hai con số của nền kinh tế

*** Giai đoạn 2026-2027**

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%.
- Năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 5%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%.
- Phân đầu 20% doanh nghiệp trên địa bàn xã sử dụng hợp đồng điện tử.

*** Giai đoạn 2028-2030**

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%.
- Năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 8%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 70%.
- Phân đầu 50% doanh nghiệp trên địa bàn xã sử dụng hợp đồng điện tử.

2.3 Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

*** Giai đoạn 2026-2027**

- Tối thiểu 50% dân số từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn xã có tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác.
- Tối thiểu 30% dân số trưởng thành trên địa bàn xã có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.
- Tối thiểu 50% người dân trên địa bàn xã có Sổ sức khỏe điện tử.
- Tối thiểu 50% người dân trên địa bàn xã biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông
- Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 85% dân số.
- Tỷ lệ sử dụng IPv6 trên địa bàn xã đạt 60%.
- Trên 50% dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.
- 85% người dân có khả năng tiếp cận các kênh truyền thông chính thống trên nền tảng số.

*** Giai đoạn 2028-2030**

- Tối thiểu 80% dân số từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn xã có tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác.
- Tối thiểu 80% người dân trên địa bàn xã có Sổ sức khỏe điện tử.
- Tối thiểu 95% người dân trên địa bàn xã biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông.
- Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 99% dân số.
- Tỷ lệ sử dụng IPv6 trên địa bàn xã đạt 90%.
- Trên 95% dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.
- 100% người dân có khả năng tiếp cận các kênh truyền thông chính thống trên nền tảng số; phổ cập nền tảng truyền hình số quốc gia tới 100% hộ gia đình có kết nối Internet.

(Nội dung phân công đơn vị chủ trì, phối hợp; dự kiến kết quả, thời gian của các mục tiêu cụ thể tại Phụ lục 1, 2 kèm theo Kế hoạch này)

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Tăng cường công tác chỉ đạo của Ủy ban nhân dân xã, Ban chỉ đạo của Ủy ban nhân dân xã về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 trong các hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn xã.
- Thể chế, cụ thể các văn bản chỉ đạo, quyết định, kế hoạch của cấp trên về Chuyển đổi số phù hợp với nhiệm vụ và tình hình của xã để triển khai chuyển đổi số toàn diện ngành khoa học và công nghệ.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong công tác chỉ đạo, triển khai chuyển đổi số.

- Triển khai Bộ chỉ số để theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ được giao về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 phục vụ chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân xã và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

- Thực hiện đo lường, giám sát các hệ thống, dịch vụ phục vụ Chính phủ số, Chính quyền số; công khai trực tuyến các chỉ số chính trong phát triển Chính phủ số, Chính quyền số.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các cơ quan, đơn vị trực tuyến trên môi trường mạng; Hằng năm tổ chức Đoàn công tác kiểm tra trực tiếp các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã về công tác Chuyển đổi số.

2. Thể chế, chính sách

- Xây dựng các văn bản tổ chức thực hiện và thi hành cụ thể hóa các văn bản của Đảng, Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương, của tỉnh về chuyển đổi số.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật định kỳ trong quá trình triển khai thi hành Luật Chuyển đổi số để kịp thời điều chỉnh các văn bản liên quan.

- Ưu tiên thuê dịch vụ CNTT, thuê hạ tầng đám mây thay vì đầu tư mua sắm phần cứng, giúp linh hoạt và tối ưu chi phí.

- Triển khai áp dụng hướng dẫn kỹ thuật về mức độ ứng dụng AI trong dịch vụ công trực tuyến, làm rõ khái niệm, yêu cầu kỹ thuật và tiêu chí đánh giá mức độ cá thể hóa, chủ động, gợi ý hành động,... Hướng dẫn lựa chọn, triển khai và tích hợp trợ lý ảo vào các nền tảng điều hành, tác nghiệp của tỉnh; Tiêu chuẩn quốc gia về Chất lượng trải nghiệm của người dùng dịch vụ công trực tuyến; Bộ chỉ số và Khung hướng dẫn đánh giá mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.

3. Phát triển hạ tầng số

- Triển khai Mạng truyền số liệu chuyên dùng và các nền tảng, ứng dụng dùng chung của tỉnh được kết nối trên mạng này, bảo đảm liên thông và đồng bộ dữ liệu.

- Xây dựng Kế hoạch triển khai “Chương trình thúc đẩy, triển khai, chuyển đổi IPv6 only cho Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030”.

- Đầu tư, nâng cấp Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến của xã bảo đảm phục vụ các phiên họp từ Trung ương đến địa phương.

- Phối hợp với doanh nghiệp viễn thông phủ sóng 5G tại 100% khu dân cư trên địa bàn xã.

- Rà soát, thúc đẩy các doanh nghiệp viễn thông ưu tiên phát triển hạ tầng viễn thông (trạm BTS,...) kiên cố, bền vững, phù hợp tại các khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai trong đó có tính đến đặc điểm địa hình, loại hình thiên tai thường xuất hiện tại các khu vực.

4. Phát triển nhân lực số

- Triển khai cung cấp học liệu để đào tạo, phổ cập kỹ năng số, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước cho các đối tượng trên Nền tảng Bình dân học vụ số.

- Bố trí nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số; triển khai thực chất, hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số” và hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Triển khai khung năng lực, chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin tích hợp kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước. Đưa nội dung đào tạo về kỹ năng số, AI vào chương trình đào tạo quản lý nhà nước.

- Tổ chức bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức cơ quan nhà nước về kỹ năng số.

- Tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu, AI cho cán bộ, công chức, viên chức hàng năm để sẵn sàng chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số.

5. Phát triển dữ liệu số

- Tập trung số hóa dữ liệu, khai thác tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai, xây dựng, khoa học, công nghệ....

- Thực hiện số hóa 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; triển khai các cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo đảm dữ liệu “Đúng - Đủ - Sạch - Sống - Thống nhất - Đồng bộ - Kết nối - Dùng chung”, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

Tham gia tích cực phát triển Cổng dữ liệu mở của tỉnh. Tập trung dữ liệu từ các ngành trọng điểm: Đất đai, Xây dựng, Y tế, Giáo dục, Doanh nghiệp.

6. Bảo đảm an ninh mạng

- Tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong cơ quan nhà nước theo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân. Triển khai hướng dẫn về quy trình, biện pháp kỹ thuật nhằm bảo đảm an toàn đối với việc quản lý, lưu trữ, xử lý, chia sẻ và kiểm soát truy cập dữ liệu cá nhân trong các nền tảng và hệ thống thông tin.

- Đảm bảo 100% hệ thống thông tin các cơ quan nhà nước trên địa bàn xã được phê duyệt cấp độ an toàn và triển khai phương án bảo vệ theo cấp độ.

7. Chính quyền số

- Tổ chức triển khai kịp thời và hiệu quả các nền tảng số phục vụ phát triển Chính phủ số do Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương triển khai đến cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã. Thực hiện kết nối toàn bộ các nền tảng số do Trung ương, tỉnh triển khai, các hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính với cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.

- Rà soát, đánh giá tính hiệu quả các nền tảng số, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; cơ sở dữ liệu dùng chung trên của tỉnh; Tăng cường xây dựng, chuẩn hóa, cập nhật cơ sở dữ liệu của ngành, lĩnh vực, bảo đảm tính “Đúng - Đủ - Sạch - Sống - Thống nhất - Đồng bộ - Kết nối - Dùng chung”, phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của xã dựa trên dữ liệu.

- Đầu tư đồng bộ trang thiết bị công nghệ thông tin, thiết bị chuyên ngành tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã.

- Triển khai hệ thống phần mềm đặt lịch hẹn giải quyết TTHC trực tuyến qua ứng dụng di động (App), Web, kết nối với hệ thống tiếp nhận và giải quyết TTHC. Đầu tư, lắp đặt Ki-ốt cấp số tự động tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã; kết nối, đồng bộ với hệ thống đặt lịch hẹn nhằm phân luồng, điều phối tiếp nhận người dân theo thời gian thực. Ứng dụng dữ liệu từ hệ thống đặt lịch hẹn và Ki-ốt cấp số để giám sát thời gian chờ, lưu lượng phục vụ, mức độ hài lòng, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

8. Kinh tế số và xã hội số

- Xây dựng chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi số trong doanh nghiệp.

- Hỗ trợ các cửa hàng, hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) chuyển đổi số thông qua sử dụng các nền tảng số phục vụ quản trị, sản xuất, kinh doanh, thông qua triển khai chương trình hỗ trợ cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số (rdx.gov.vn) và chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số (bdx.gov.vn).

- Ứng dụng công nghệ, dữ liệu số trong quản lý, giám sát chất lượng sản phẩm nông nghiệp, truy xuất nguồn gốc; dự báo thị trường; quản lý quy hoạch; quản lý bảo vệ rừng; phòng, chống thiên tai; phòng, chống cháy rừng; phòng, chống dịch bệnh.

- Ứng dụng công nghệ số trong hỗ trợ khám, chữa bệnh, tư vấn chăm sóc sức khỏe trong và sau điều trị tại cơ sở y tế; triển khai nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa. Ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám, chữa bệnh, tiến đến mỗi người dân đều có hồ sơ sức khỏe điện tử.

- Xây dựng và triển khai Đề án Phát triển y tế thông minh đến năm 2030 trên địa bàn xã.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành, giảng dạy dựa trên công nghệ số, dữ liệu số; số hóa tài liệu, giáo trình; triển khai đồng bộ các nền tảng số dùng chung của ngành giáo dục.

- Số hóa dữ liệu các khu di tích lịch sử, văn hóa, du lịch bằng công nghệ 3D, 4D, tích hợp thuyết minh tự động để quản lý, giới thiệu trên nền tảng số, đẩy mạnh quảng bá hình ảnh bằng nhiều hình thức khác nhau để thu hút khách du lịch.

- Tiếp tục triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” rộng khắp trên địa bàn xã; cung cấp các khóa học trực tuyến mở để Nhân dân có thể dễ dàng tiếp cận; hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp để đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao

kiến thức, kỹ năng về công nghệ số, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, an toàn thông tin cho người dân và doanh nghiệp; hỗ trợ người dân sử dụng chữ ký số cá nhân.

- Phát huy vai trò của Tổ Công nghệ số cộng đồng ở địa phương trong việc hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến, các nền tảng số phổ biến, thanh toán không dùng tiền mặt, tương tác trên các sàn thương mại điện tử để từng bước hình thành văn hóa số.

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

- Kịp thời triển khai, truyền thông, phổ biến về các Luật, Nghị định, Thông tư hướng dẫn và văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số đến các cơ quan nhà nước, tổ chức, người dân và doanh nghiệp trên địa bàn xã.

- Tuyên truyền về những định hướng, mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp về chuyển đổi số gắn với công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng¹.

- Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 03/4/2025 về Triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao chất lượng về cung cấp và sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Duy trì hoạt động hiệu quả chuyên mục Chuyển đổi số trên Trang tin điện tử xã, zalo, fanpage thường xuyên cập nhật tin, bài, hình ảnh, video clip và đặt banner trên trang tin điện tử xã.

- Tổ chức các Cuộc thi, Hội thi, Tọa đàm về Chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính trên địa bàn xã; các Cuộc thi tìm hiểu, các chiến dịch truyền thông về Chuyển đổi số trong đoàn viên, thanh niên, phụ nữ, công nhân, nông dân trên địa bàn xã.

- Đẩy mạnh truyền thông, phổ biến và tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng về đảm bảo an toàn thông tin cá nhân trên môi trường mạng cho người dân trên địa bàn xã.

- Truyền thông về các mô hình, điển hình trong hoạt động hiệu quả của Tổ công nghệ số cộng đồng các cấp; Phát huy hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng các cấp để tuyên truyền, hướng dẫn người dân nâng cao nhận thức và kỹ năng số, giúp người dân tiếp cận với các dịch vụ số, nền tảng số.

10. Hợp tác với các địa phương trong nước

Xây dựng và triển khai chương trình hợp tác với các xã trong tỉnh và ngoài

¹ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật chương trình hành động của chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Chỉ thị số 29-CT/TU ngày 24/4/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi; Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 20/02/2024 của UBND tỉnh; Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Kế hoạch số 26-KH/ĐU ngày 24/12/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Sơn Mai; Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 30/9/2025 của UBND xã Sơn Mai,...

tỉnh về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số nhằm học hỏi kinh nghiệm, chia sẻ dữ liệu mở, phát triển trí tuệ nhân tạo, bảo đảm an ninh mạng và thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và huy động từ các nguồn tài trợ, đầu tư hợp pháp khác.

2. Trên cơ sở nhiệm vụ được giao, các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND xã chủ động đề xuất kinh phí giai đoạn và hằng năm gửi Phòng Văn hóa – Xã hội xã tổng hợp tham mưu.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa – Xã hội

- Chủ trì tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch này. Định kỳ hằng năm (*trước ngày 30/11*) báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân xã tình hình, kết quả triển khai thực hiện.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân xã tổ chức tôn vinh, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc; mô hình chuyển đổi số tiêu biểu góp phần mang lại hiệu quả trong công cuộc chuyển đổi số cũng như đóng góp phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn xã.

2. Phòng Kinh tế: Trên cơ sở nhu cầu của các cơ quan, đơn vị và khả năng cân đối ngân sách, Phòng Kinh tế tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân xã bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành.

3. Trung tâm cung ứng dịch vụ công: Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện truyền thông chính sách, phổ biến thông tin về Chuyển đổi số, các nền tảng số, chính sách dữ liệu, AI... đến người dân, doanh nghiệp.

4. Các cơ quan, ban, ngành trên địa bàn xã

- Xây dựng, ban hành Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030 của cơ quan, đơn vị đảm bảo triển khai hiệu quả các nhiệm vụ chuyển đổi số của đơn vị và phù hợp với tình hình của cơ quan, đơn vị.

- Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và theo quy định pháp luật hiện hành.

- Theo chức năng nhiệm vụ triển khai có hiệu quả các nền tảng số, cơ sở dữ liệu dùng chung do các bộ, ngành Trung ương, tỉnh triển khai đến cấp xã; triển khai, thúc đẩy phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số thuộc lĩnh vực quản lý của ngành, địa phương để thúc đẩy phát triển chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn xã.

- Thực hiện chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ thủ tục hành chính để đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hướng tới toàn trình.

- Triển khai rà soát, số hóa quy trình nội bộ; hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các ngành, lĩnh vực liên quan tới người dân; rà soát, đơn giản hóa các chế độ báo cáo, cắt giảm các chế độ báo cáo đã được thay thế bằng dữ liệu. Triển khai các chính sách, quy định của Chính phủ, bộ, ngành Trung ương, tỉnh về khuyến khích người dân và doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ Chính phủ số, Chính quyền số.

- Tăng cường công tác truyền thông, phổ biến về các Luật, Nghị định, Thông tư, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của bộ, ngành, địa phương về chuyển đổi số đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, doanh nghiệp, người dân thuộc phạm vi quản lý của ngành, địa phương.

- Chủ động hợp tác trong phát triển Chuyển đổi số; tích cực tham gia các sáng kiến về Chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo; đẩy mạnh chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và công nghệ với các ngành, lĩnh vực nhằm nâng cao năng lực phòng ngừa, phát hiện và ứng phó với các mối đe dọa an ninh mạng.

- Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch này để xây dựng dự toán, đề xuất và bố trí kinh phí cụ thể để triển khai thực hiện theo quy định; huy động các nguồn vốn hợp pháp khác; tăng cường thuê dịch vụ công nghệ thông tin, đầu tư theo phương thức đối tác công tư để phát triển Chuyển đổi số; đẩy mạnh huy động các nguồn lực tài chính từ các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp tham gia thực hiện Kế hoạch theo quy định pháp luật; lồng ghép các nhiệm vụ của Kế hoạch với các chương trình mục tiêu quốc gia khác có liên quan.

- Định kỳ hằng năm (*trước ngày 25/11*) báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch này về Phòng Văn hóa – Xã hội.

5. Các doanh nghiệp Công nghệ số, doanh nghiệp Viễn thông trên địa bàn xã: Căn cứ vào nội dung, nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch, chủ động xây dựng các nội dung triển khai, phối hợp, đồng hành với các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch, nếu có phát sinh vướng mắc hoặc cần phải điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo (*qua Phòng Văn hóa – Xã hội*) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân xã xem xét, chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực: Đảng ủy, HĐND xã;
- UBNDTTQVN xã;
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã;
- BCH quân sự xã;
- Công an xã;
- Các doanh nghiệp BC, VT, CNTT;
- CVP, PCVP xã;
- Trang tin điện tử xã;
- Lưu: VT, VHXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Anh Tuấn

Phụ lục 01
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /02/2026 của Ủy ban nhân dân xã Sơn Mai)

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Phòng, đơn vị chủ trì triển khai, theo dõi, đánh giá	Phòng, đơn vị thực hiện
A	Giai đoạn 2026 - 2027			
I	Phát triển Chính quyền, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động			
I.1	Cung cấp dịch vụ số			
1	Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện được thực hiện trực tuyến toàn trình.	100%	Trung tâm phục vụ Hành chính công xã	Các phòng, đơn vị
2	Tỷ lệ thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.	100%	Trung tâm phục vụ Hành chính công xã	Các phòng, đơn vị
3	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả, tốc độ và chất lượng phục vụ.	100%	Trung tâm phục vụ Hành chính công xã	Các phòng, đơn vị

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Phòng, đơn vị chủ trì triển khai, theo dõi, đánh giá	Phòng, đơn vị thực hiện
4	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	95%	Trung tâm phục vụ Hành chính công xã	Các phòng, đơn vị
I.2	Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu			
1	Tỷ lệ các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực phục vụ Chính phủ số, Chính quyền số do Chính phủ và các bộ, ngành trung ương triển khai đến cấp tỉnh, cấp xã được triển khai theo đúng kế hoạch trên địa bàn xã.	100%	Phòng Văn hoá - Xã hội	Các phòng, đơn vị
2	Tỷ lệ hồ sơ công việc của xã được xử lý trên môi trường điện tử (<i>trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước</i>) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc.	100%	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã	Các phòng, đơn vị
3	Tỷ lệ báo cáo của các cơ quan được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo.	100%	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã	Các phòng, đơn vị
4	Tỷ lệ nhiệm vụ Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho xã được theo dõi, giám sát, đánh giá trên môi trường điện tử.	100%	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã	Các phòng, đơn vị

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Phòng, đơn vị chủ trì triển khai, theo dõi, đánh giá	Phòng, đơn vị thực hiện
5	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo kỹ năng số cơ bản.	100%	Phòng Văn hoá - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị
6	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số trên địa bàn xã được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.	50%	Phòng Văn hoá - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị
II	Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng nền kinh tế			
1	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực	10%	Phòng Kinh tế xã	Các phòng, đơn vị
2	Tỷ lệ Năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu	5%	Phòng Kinh tế xã	Các phòng, đơn vị
3	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt	50%	Phòng Kinh tế xã	Các phòng, đơn vị
4	Tỷ lệ doanh nghiệp trên địa bàn xã sử dụng hợp đồng điện tử.	20%	Phòng Kinh tế xã	Các phòng, đơn vị
III	Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số			
1	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn xã có tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác.	50%	Phòng Kinh tế xã	Các phòng, đơn vị

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Phòng, đơn vị chủ trì triển khai, theo dõi, đánh giá	Phòng, đơn vị thực hiện
2	Tỷ lệ dân số trưởng thành trên địa bàn xã có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.	30%	Phòng Kinh tế xã	Các phòng, đơn vị
3	Tỷ lệ người dân trên địa bàn xã có Sổ sức khỏe điện tử.	50%	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị
4	Tỷ lệ người dân trên địa bàn xã biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông.	50%	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị
5	Tỷ lệ Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng dân số;	85%	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị
6	Tỷ lệ sử dụng IPv6 trên địa bàn xã	60%.	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị
7	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.	50%	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị
8	Tỷ lệ người dân có khả năng tiếp cận các kênh truyền thông chính thống trên nền tảng số.	85%	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị
B	Giai đoạn 2028 - 2030			
I	Phát triển Chính quyền, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động			

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Phòng, đơn vị chủ trì triển khai, theo dõi, đánh giá	Phòng, đơn vị thực hiện
I.1	Cung cấp dịch vụ số			
1	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	99%	Trung tâm phục vụ Hành chính công xã	Các phòng, đơn vị
2	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả, tốc độ và chất lượng phục vụ.	100%	Trung tâm phục vụ Hành chính công xã	Các phòng, đơn vị
3	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến thiết yếu được triển khai ở mức chủ động, được AI hỗ trợ “ cá thể hóa”, thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mốc sự kiện quan trọng trong cuộc đời.	50%	Trung tâm phục vụ Hành chính công xã	Các phòng, đơn vị
4	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.	100%	Trung tâm phục vụ Hành chính công xã	Các phòng, đơn vị
5	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa được tái sử dụng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.	100%	Trung tâm phục vụ Hành chính công xã	Các phòng, đơn vị

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Phòng, đơn vị chủ trì triển khai, theo dõi, đánh giá	Phòng, đơn vị thực hiện
I.2	Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu			
1	Tỷ lệ hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu.	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị
2	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn xã thường xuyên sử dụng trợ lý ảo hoặc công cụ số thông minh để hỗ trợ thực thi công vụ nhằm nâng cao hiệu suất làm việc.	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị
3	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính.	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị
4	Tỷ lệ nhiệm vụ của các cơ quan hành chính thực hiện được theo dõi, quản lý, giám sát trên môi trường số.	100%	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã	Các phòng, đơn vị
5	Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường số.	100%	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã	Các phòng, đơn vị
6	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, dữ liệu của xã được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Phòng, đơn vị chủ trì triển khai, theo dõi, đánh giá	Phòng, đơn vị thực hiện
	dữ liệu cơ bản.			
7	Tỷ lệ các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính quyền số trên địa bàn xã phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá an ninh mạng định kỳ.	100%	Công an xã	Các phòng, đơn vị
8	Tỷ lệ cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây do doanh nghiệp trong nước cung cấp.	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị
II	Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng của nền kinh tế			
1	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực	20%	Phòng Kinh tế xã	Các phòng, đơn vị
2	Tỷ lệ Năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu	8%	Phòng Kinh tế xã	Các phòng, đơn vị
3	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt	70%	Phòng Kinh tế xã	Các phòng, đơn vị
4	Tỷ lệ doanh nghiệp trên địa bàn xã sử dụng hợp đồng điện tử.	50%	Phòng Kinh tế xã	Các phòng, đơn vị

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Phòng, đơn vị chủ trì triển khai, theo dõi, đánh giá	Phòng, đơn vị thực hiện
III	Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số			
1	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn xã có tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác.	80%	Phòng Kinh tế xã	Các phòng, đơn vị
2	Tỷ lệ người dân trên địa bàn xã có Sổ sức khỏe điện tử.	80%	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị
3	Tỷ lệ người dân trên địa bàn xã biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông.	95%	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị
5	Tỷ lệ Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng dân số.	90%	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị
6	Tỷ lệ sử dụng IPv6 trên địa bàn xã	90%	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị
7	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.	95%	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị
8	Tỷ lệ người dân có khả năng tiếp cận các kênh truyền thông chính thống trên nền tảng số.	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị

Phụ lục 02**CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỰC HIỆN KẾ HOẠCH**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /3/2026 của Ủy ban nhân dân xã Sơn Mai)

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
I	Hoàn thiện thể chế				
1	Rà soát, ban hành và cập nhật các quy chế, quy định nội bộ của UBND xã liên quan đến quản lý, vận hành và khai thác các hệ thống thông tin, nền tảng số, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với quy định của Trung ương và tỉnh Quảng Ngãi.	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã	Phòng Văn hoá - Xã hội	Quyết định, Quy chế ...	2026
2	Ban hành quy chế bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; bảo vệ dữ liệu cá nhân; phân quyền truy cập, khai thác dữ liệu số phục vụ quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công.	Công an xã	Phòng Văn hoá - Xã hội, Trung tâm Phục vụ hành chính công, các phòng, đơn vị có liên quan	Quyết định, Quy chế ...	2026
3	Lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi	Phòng Kinh tế xã	Các phòng, đơn vị có	Kế hoạch,	2026-

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	số vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và 5 năm của xã; gắn chuyển đổi số với cải cách hành chính, xây dựng chính quyền cơ sở hiện đại.		liên quan	Chương trình ...	2030
4	Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa Ủy ban nhân dân xã với các cơ quan chuyên môn cấp trên, các doanh nghiệp viễn thông - công nghệ số trong triển khai, duy trì, khai thác hiệu quả các nền tảng số dùng chung.	Phòng Văn hoá - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị có liên quan	Thoả thuận hợp tác; Quy chế phối hợp.	2026-2030
5	Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện thể chế, cơ chế chuyển đổi số; kịp thời kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các quy định không còn phù hợp với thực tiễn triển khai tại xã.	Phòng Văn hoá - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị có liên quan	Báo cáo	Thường xuyên
II	Phát triển Hạ tầng số và Dữ liệu số				
1	Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin của xã.	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	Các phòng, đơn vị có liên quan	Hệ thống	Thường xuyên

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
		xã			
2	Triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng của Đảng và Nhà nước theo hướng thống nhất, dùng chung cho toàn bộ hệ thống chính trị của xã, phục vụ gửi nhận văn bản và xử lý hồ sơ Mật, tối Mật, đảm bảo liên thông và đồng bộ dữ liệu với các nền tảng và ứng dụng dùng chung của tỉnh.	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã	Các phòng, đơn vị có liên quan	Kế hoạch, Văn bản triển khai thực hiện	Thường xuyên
3	Cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn kết nối, chia sẻ dữ liệu qua trục kết nối chia sẻ dữ liệu của tỉnh.	Phòng Văn hoá - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị có liên quan	Kế hoạch, Văn bản triển khai thực hiện	Thường xuyên
4	Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin của xã.	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã	Các phòng, đơn vị có liên quan	Hệ thống	Thường xuyên
III	Phát triển chính quyền số				
1	Tổ chức triển khai kịp thời và hiệu quả các nền tảng số phục vụ phát triển Chính phủ số	Phòng Văn hoá -	Các phòng, đơn vị có	Kế hoạch	Thường

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	do Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương triển khai đến xã.	Xã hội xã	liên quan		xuyên
2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với các thủ tục hành chính đủ điều kiện; Số hoá kết quả giải quyết thủ tục hành chính; dữ liệu số hóa được khai thác, sử dụng lại trong giải quyết thủ tục hành chính và quản lý nhà nước.	Trung tâm phục vụ Hành chính công xã	Các phòng, đơn vị có liên quan	Văn bản triển khai thực hiện	Thường xuyên
3	Thực hiện hồ sơ công việc trên môi trường điện tử, sử dụng chữ ký số cá nhân; thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo.	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã	Các phòng, đơn vị có liên quan	Văn bản triển khai thực hiện	Thường xuyên
4	Xây dựng phần mềm theo dõi nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trên môi trường số.	Phòng Văn hoá - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị có liên quan	Phần mềm	2026
5	Phối hợp triển khai và khai thác ứng dụng AI hoặc công cụ hỗ trợ thông minh do tỉnh, Trung ương cung cấp phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND xã.	Phòng Văn hoá - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị có liên quan	Kế hoạch, Văn bản triển khai thực hiện	2026-2028

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
6	Tổ chức đào tạo kỹ năng số cơ bản cho cán bộ, công chức, viên chức; cử cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số tham gia đào tạo quản trị dữ liệu, an toàn thông tin theo kế hoạch cấp trên.	Phòng Văn hoá - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị có liên quan	Kế hoạch, Văn bản triển khai thực hiện	Thường xuyên
7	Xây dựng nền tảng số phục vụ chính quyền cấp xã	Phòng Văn hoá - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị có liên quan	Phần mềm	2026
IV	Phát triển Kinh tế số và Xã hội số				
1	Hình thành các mô hình truy xuất nguồn gốc, thương mại điện tử cho nông sản.	Phòng Kinh tế xã	Các phòng, đơn vị có liên quan	Kế hoạch, Văn bản triển khai thực hiện	2026-2030
2	Đẩy mạnh tuyên truyền về giao dịch thanh toán dịch vụ công và thương mại điện tử trên địa bàn thực hiện qua phương thức không tiền mặt.	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	Các phòng, đơn vị có liên quan	Kế hoạch, Văn bản triển khai thực hiện	Thường xuyên
3	Xây dựng, phổ biến, triển khai các chính sách	Trung tâm cung	Các phòng, đơn vị có	Kế hoạch, Văn	Thường

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	khuyến khích người dân cài đặt và sử dụng các ứng dụng tương tác với chính quyền.	ứng dịch vụ công	liên quan	bản triển khai thực hiện	xuyên
4	Tổ chức các lớp hướng dẫn cho thanh niên, phụ nữ và nông dân sử dụng định danh điện tử VneID trong giải quyết thủ tục hành chính.	Công an xã	Các phòng, đơn vị có liên quan	Kế hoạch, Văn bản triển khai thực hiện	Thường xuyên
V	An toàn thông tin				
1	Tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong cơ quan nhà nước theo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân. Triển khai hướng dẫn kỹ thuật về lưu trữ, xử lý, chia sẻ và kiểm soát truy cập dữ liệu cá nhân trong các nền tảng và hệ thống thông tin.	Công an xã	Các phòng, đơn vị có liên quan	Kế hoạch, Văn bản triển khai thực hiện	Thường xuyên
2	Triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt đối với hệ thống thông tin của xã.	Công an xã	Các phòng, đơn vị có liên quan	Kế hoạch, Văn bản triển khai thực hiện	Thường xuyên
VI	Phát triển nhân lực số				

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
1	Xây dựng chương trình tập huấn riêng cho đội ngũ lãnh đạo cấp ủy, chính quyền về tư duy chiến lược và kỹ năng quản lý trong môi trường số.	Phòng Văn hoá - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị có liên quan	Kế hoạch, Chương trình	2026
2	Phổ biến, triển khai cung cấp học liệu để đào tạo, phổ cập kỹ năng số, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước cho các đối tượng trên Nền tảng Bình dân học vụ số. Bố trí nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số; triển khai thực chất, hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số”.	Phòng Văn hoá - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị có liên quan	Kế hoạch, Chương trình	2026
3	Kiến tạo và nâng cao năng lực cho các thành viên tổ công nghệ số cộng đồng để hướng dẫn người dân sử dụng VNeID, dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt.	Phòng Văn hoá - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị có liên quan	Kế hoạch, Chương trình	2026
4	Đẩy mạnh chuyển đổi số trong các trường học trên địa bàn xã thông qua việc kết nối băng thông rộng và tích hợp các tiết học ngoại	Các trường học trên địa bàn xã	Các phòng, đơn vị có liên quan	Kế hoạch, Chương trình	Thường xuyên

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	khóa về kỹ năng lập trình cơ bản, tư duy số cho học sinh. Khuyến khích Đoàn thanh niên xã thành lập các câu lạc bộ hỗ trợ chuyển đổi số, làm lực lượng nòng cốt hỗ trợ người cao tuổi và người dân tộc thiểu số tiếp cận công nghệ.				